

Bản án số: 39/2021/HS-PT

Ngày: 02-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Mai Dung;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 174/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Tấn P và các bị cáo khác; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2020/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Tấn P, sinh năm 1993, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P4, sinh năm 1954 và bà Dương Thị P5, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 104/QĐ-XPVPHC ngày 17-8-2017 của Trưởng Công an xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 23-10-2020;

Bị bắt phạm tội quả tang và tạm giữ từ ngày: 01-3-2020 đến ngày 11-3-2020 trả tự do.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2. Nguyễn Thành B (B1), sinh năm 1998, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc B2, sinh năm 1967 và bà Dương Ngọc B3, sinh năm 1966; có vợ tên: Tạ Thị B4 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị bắt phạm tội quả tang và tạm giữ từ ngày: 01-3-2020 đến ngày 11-3-2020 trả tự do.

Bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Đỗ Văn E (Bé M), sinh năm 1982, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Tổ 6, ấp Tân Dũng, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn E1 (đã chết) và bà Trần Thị E2, sinh năm 1953; có vợ tên Trần Thị E3, sinh năm 1979 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị bắt phạm tội quả tang và tạm giữ từ ngày: 01-3-2020 đến ngày 11-3-2020 trả tự do.

Bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Lương Thị Mỹ N, sinh năm 2001, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Tổ 8, Ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N1, sinh năm 1981 và bà Lê Thị N2, sinh năm 1982; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị bắt phạm tội quả tang và tạm giữ từ ngày: 01-3-2020 đến ngày 04-3-2020 **trả tự do**

Bị cáo tại ngoại có mặt.

5. Lê Văn K (K1), sinh năm 1969, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp Đông Tiến, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K3, sinh năm 1939 ; có vợ tên Nguyễn Thị Huỳnh K4, sinh năm 1972 và 02 người con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án:

- Tại Bản án số 56/2010/HSST, ngày 23-6-2010 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Lê Văn K 01 năm tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 31-01-2011, chưa thi hành nộp số tiền thu lợi bất chính 4.200.000 đồng).

- Tại Bản án số 23/2019/HSPT, ngày 22-2-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn K 06 tháng tù, về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23-12-2019.

Tiền sự: Không có;

Nhân thân: Tại Bản án số 53/2005/HSST ngày 21-6-2005, bị Tòa án nhân dân huyện huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “Đánh bạc”,

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo gồm: Bùi Văn H (H1), Phan Mạnh A, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thanh V, Huỳnh Văn X, Trần Thị Tú Tr, Phan Quốc Kh, không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian tháng 02-2020, Nguyễn Tấn P và Nguyễn Thành B (B1) thống nhất tổ chức đánh bạc được, thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu cho nhiều người tham gia, trên địa bàn xã P2, huyện P3; P và Thành B thỏa thuận mỗi người hùn 50% tiền vốn để tổ chức. Để tránh sự P hiện của Công an, P thuê Phan Vũ E, sinh năm 1982, Trương Văn Ch, sinh năm 1985 cùng các đối tượng Y1, Y2, Y3, Y4 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) canh giới, canh đường và trả tiền công từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng/ngày đưa tiền trực tiếp cho E để E chia lại cho các đối tượng khác; P và Thành B thỏa thuận Thành B là người trực tiếp lắc tài xỉu, P đứng giám sát người chơi đề phòng gian lận.

Khoảng 12 giờ, ngày 01-3-2020, như đã thỏa thuận P và Thành theo dụng cụ lắc tài xỉu (gồm: hột xí ngầu, manh tài xỉu, chum, đĩa...) đến vườn cao su của ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1956 thuộc ấp Tân Trung, xã Tân Hà để tổ chức lắc tài xỉu và P đưa cho Thành B trước 2.000.000 đồng để làm vốn chung chi nhưng thua hết 2.000.000 đồng, sau đó P tiếp tục đưa cho Thành B 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền 12.000.000 đồng, những người tham gia đặt cược mỗi ván từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng/người, cụ thể:

- Đỗ Văn E mang theo số tiền 6.270.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng, kết quả thắng được 250.000 đồng;

- Lương Thị Mỹ N mang theo số tiền 6.200.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng, kết quả thua 200.000 đồng;

- Nguyễn Ngọc L mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả thua hết 600.000 đồng, còn lại 400.000 đồng làm rơi mất lúc bỏ chạy khi Công an bắt quả tang;

- Bùi Văn H mang theo số tiền 740.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván 20.000 đồng, kết quả thua 40.000 đồng;

- Lê Văn K mang theo số tiền 620.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả thua hết 290.000 đồng, số tiền còn lại 330.000 đồng đã tiêu xài cá nhân hết.

- Trần Thị Tú Tr mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, kết quả thua hết số tiền mang theo;

- Bùi Thanh V mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván 50.000 đồng đến 200.000 đồng, khi Công an đến bắt quả tang bỏ chạy nên làm rơi hết số tiền mang theo;

- Phan Mạnh A mang theo số tiền 460.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, kết quả thua 200.000 đồng;

- Phan Quốc Kh mang theo số tiền 450.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng, kết quả thắng được 490.000 đồng;

- Huỳnh Văn X mang theo số tiền 300.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, kết quả thắng được số tiền 860.000 đồng;

Và một số người khác tham gia đặt cược nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch.

Đến 16 giờ 25 phút cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang và thu tiền trên chiếu bạc là 4.700.000 đồng; Nguyễn Thành B đã giao nộp lại số tiền 2.000.000 đồng lấy trên chiếu bạc khi bỏ chạy. Thu tiền trong người các con bạc có căn cứ dùng tiền vào việc đánh bạc 24.340.000 đồng. Như vậy tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc trong ngày 01-3-2020 xác định được là 31.040.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 87/2020/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01-3-2020 đến ngày 11-3-2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành B (B1) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 01-3-2020 đến ngày 11-3-2020.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn K (K1) 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn E (Bé M) 06 (sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01-3-2020 đến ngày 11-3-2020.

- Xử phạt bị cáo Lương Thị Mỹ N 06 (sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01-3-2020 đến ngày 04-3-2020.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tấn P số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành B (B1) số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung các bị cáo Đỗ Văn E (Bé M), Bùi Văn H (H1), Bùi Thanh V, Phan Mạnh A, Nguyễn Ngọc L, Lương Thị Mỹ N, Huỳnh Văn X, Trần Thị Tú Tr, Phan Quốc Kh, Lê Văn K (K1), mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Bản án còn tuyên về hình phạt tù, hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo khác; biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Cùng ngày 11 tháng 11 năm 2020, bị cáo Đỗ Văn Bé và bị cáo Lương Thị Mỹ N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, bị cáo Lê Văn K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thành B (B1) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, bị cáo Nguyễn Tấn P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Các bị cáo xác định nội dung kháng cáo như sau: Bị cáo P xin được giảm án vì là lao động chính trong gia đình lo cho mẹ già bệnh, em trai và c cháu gái; Bị cáo Thành B xin giảm án, lý do: Nuôi cha mẹ già và 2 con nhỏ; Bị cáo M xin được hưởng án treo, lý do: Phạm tội lần đầu, bị cáo còn nhỏ, xin ở nhà phụ giúp cha mẹ; Bị cáo Đỗ Văn Bé xin giảm án và xin hưởng án treo, lý do: Phạm tội lần đầu, mẹ bệnh đau, có cha tham gia cách mạng; Bị cáo K xin giảm án, lý do: Nuôi cha mẹ già, trong phần xét hỏi đã rút kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị: Căn cứ Điều 342; Điều 355; Điều 256 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận rút kháng cáo của bị cáo K; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P và bị cáo Thành B, giữ nguyên hình phạt vì không có tình tiết mới; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn E và bị cáo Lương Thị Mỹ N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thành B, Đỗ Văn E, Lương Thị Mỹ N, Lê Văn K có đơn kháng cáo, qua xem xét đơn kháng cáo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.1] Về xác định thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo được tính từ ngày bắt người phạm tội quả tang 01-3-2020, cấp sơ thẩm khấu trừ từ 02-3-2020 từ ngày có lệnh tạm giữ là chưa chuẩn xác.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 01-3-2020, Công an huyện Tân Châu, bắt quả tang bị cáo P và bị cáo Thành B đang trực tiếp làm cái lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền với 10 bị cáo: Đỗ Văn E, Lương Thị Mỹ N, Lê Văn K, Bùi Văn H, Phan Mạnh A, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thanh V, Huỳnh Văn X, Trần Thị Tú Tr, Phan Quốc Kh, tại khu vực vườn cao su thuộc P2 – P3 – Tây Ninh, tiến hành thu giữ tại chiếu bạc số tiền 4.700.000 đồng, thu trong người các con bạc là 26.340.000 đồng, tổng số tiền có căn cứ dùng vào việc đánh bạc là 31.040.000 đồng. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Tấn P và Nguyễn Thành B về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, đ khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Đỗ Văn E, Lương Thị Mỹ N, Lê Văn K... về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tội danh đã xử đối với các bị cáo, thấy rằng:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Tấn P và Nguyễn Thành B có hai hành vi, cụ thể:

Thứ nhất là rủ rê, lôi kéo, phân công và thuê người (Phan Vũ E, Trương Văn Ch...) canh giới, canh đường... để đảm bảo cho sòng bạc hoạt động an toàn, tránh sự P hiện của cơ quan công an. Sòng bạc hoạt động được khoảng 01 tháng thì bị bắt quả tang. Đây là hành vi tổ chức đánh bạc nhưng do không có căn cứ chứng minh về giá trị chiếu bạc cũng như số lượng người tham gia cụ thể của những ngày hoạt động trước đó nên không đủ căn cứ khởi tố, công an đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Vũ E, Trương Văn Ch nhưng không xử phạt hành chính đối với P và B về hành vi tổ chức đánh bạc là chưa đảm bảo tính toàn diện.

Thứ hai là ngày bị bắt quả tang bị cáo P và Thành B không có thuê người canh gác, canh giới ... và có hành vi trực tiếp tham gia sát phạt, chung chi với các con bạc, Thành B trực tiếp lắc tài xỉu, chung chi còn P đứng ngoài kiểm tra, giám sát tránh bị con bạc gian lận. Có căn cứ xác định tiền dùng vào việc đánh bạc là 31.040.000 đồng. Đây là hành vi nhiều người cùng tham gia đánh bạc theo tinh thần Điều 2 Nghị quyết 01/2010/HĐTP-TANDTC ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hành vi đánh bạc này không phụ thuộc vào số lượng người tham gia. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P và Thành B về tội “Tổ chức đánh bạc” là chưa chuẩn xác, cần điều chỉnh sang tội danh “Đánh bạc” theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự cho phù hợp.

[3.2] Về áp dụng pháp luật:

Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung điểm đ khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự: *“Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này ... mà còn vi phạm”* là chưa chuẩn xác, vì: Bị cáo bị xử phạt hành chính vào 17-8-2017 đến ngày 23-10-2020 nộp phạt sau khi phạm tội, tính từ ngày có quyết định đến khi thi hành là 03 năm 02 tháng 06 ngày. Theo khoản 1, khoản 2 Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính: *“Thời hiệu thi hành là 01 năm kể từ ngày ra quyết định,, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp có tịch thu tang vật, phương tiện, biện pháp khắc phục ... vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện...”* *“Trừ trường hợp cá nhân bị xử phạt cố tình trốn tránh...”*. Đối chiếu biên bản xác minh tại công an xã Tân Hà, huyện Tân Châu ngày 06-6-2020 (BL292A) chỉ thể hiện bị cáo P chưa thi hành, không có thể hiện việc công an tổ chức thi hành quyết định như thế nào, bị cáo P có cố tình trốn tránh hay không?... Do đó, không áp dụng tình tiết định khung điểm đ khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P và cũng không xác định là tiền sử đối với bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Đỗ Văn E, Lương Thị Mỹ N, Lê Văn K và các bị cáo khác bị xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đối với các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn Tấn P: Chủ động, rủ rê bị cáo Thành B cùng nhau hùn tiền làm cái chung chi, thỏa thuận hùn vốn với tỷ lệ ăn chia 50/50, bị cáo là người bỏ ra số tiền 12.000.000 đồng làm cái vào ngày bắt quả tang.

Cấp phúc thẩm chuyển sang tội danh “Đánh bạc” là tội danh nhẹ hơn cho bị cáo và bị cáo Bé. Tuy nhiên sòng bạc do hai bị cáo làm cái diễn ra trong thời gian dài, tụ tập nhiều người tham gia gây nguy hiểm cho xã hội mức độ cao, mức án đã xử 01 năm 06 tháng là phù hợp, không nặng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo P.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thành B: Thống nhất cùng với bị cáo P làm cái trong ngày bị bắt quả tang và nhiều ngày trước đó. Bị cáo và P thay phiên nhau người trực tiếp lắc tài xỉu và chung chi, người đứng kiểm tra, giám sát việc cá cược của những con bạc tránh gian lận. Khi bị bắt quả tang cầm tiền trên chiếu bạc bỏ chạy. Mức án 01 năm 03 tháng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không cung cấp tình tiết mới, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thành B.

[4.3] Đối với bị cáo Đỗ Văn E: Là con bạc, sử dụng 6.270.000 đồng đánh bạc, đặt cược từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng, mức án đã xử là 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm cung cấp tình tiết mới thể hiện có cha tên Đỗ Văn E1 tham gia cách mạng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27-10-2008 của Thủ tướng Chính phủ là tình tiết giảm nhẹ mới, quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình sống ở địa phương từ trước đến nay chấp hành tốt chính sách địa phương, có địa chỉ rõ ràng. Có căn cứ áp dụng chế định án treo cho bị cáo theo Nghị quyết 02 ngày 15-5-2018 của hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4.4] Đối với bị cáo Lương Thị Mỹ N: Là con bạc tham gia cá cược, sử dụng số tiền 6.200.000 đồng để đánh bạc, đặt cược 50.000 đồng – 200.000đồng. Mức án đã xử là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm cung cấp tài liệu đã nộp số tiền 10.000.000 đồng phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm, thể hiện việc tích cực thi hành nghĩa vụ của bị cáo, có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật ở địa phương, có địa chỉ rõ ràng. Có căn cứ chấp nhận kháng cáo áp dụng chế định án treo cho bị cáo.

[4.5] Đối với bị cáo Lê Văn K: Tiền dùng vào việc đánh bạc trong vụ án là 30.400.000 đồng, bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm vì đã có tiền án về tội danh đánh bạc và tội phạm cố ý khác, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới, cụ thể:

Năm 2005 bị xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Năm 2010 bị xử phạt 01 năm tù “Tiêu thụ tài sản...” ra trại 31-01-2011, chưa thi hành tiền thu lợi bất chính.

Năm 2019 bị xét xử 06 tháng tù “Đánh bạc”, ra trại ngày 23-12-2019, tại bản án áp dụng tình tiết tái phạm. Trong vụ án này bị cáo phạm tội thuộc điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 03 năm đến 07 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần xét hỏi bị cáo K đã tự nguyện rút kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định đình chỉ xét xử phần kháng cáo của bị cáo K.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo P, Thành B và bị cáo K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đỗ Văn Bé và Lương Thị Mỹ N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/. Căn cứ khoản 3 Điều 342; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn K (K1). Bản án Hình sự sơ thẩm số 87/2020/HSST ngày 06-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có hiệu lực thi hành đối với bị cáo Lê Văn K (K1).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn P; Nguyễn Thành B (B1).

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn E, Lương Thị Mỹ N

Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số: 87/2020/HSST ngày 06-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

2/. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thành B (B1), Đỗ Văn E, Lương Thị Mỹ N phạm tội “Đánh bạc”

2.1- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Khấu trừ thời gian bắt, tạm giữ từ ngày 01-3-2020 đến ngày 11-3-2020.

2.2- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành B (B1) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời gian bắt, tạm giữ từ ngày 01-3-2020 đến ngày 11-3-2020.

2.3 - Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn E (Bé M) 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (26-02-2021).

2.4- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lương Thị Mỹ N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (26-02-2021).

3. Giao bị cáo Đỗ Văn E (Bé M) và bị cáo Lương Thị Mỹ N cho Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Bé và bị cáo Ngọc có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

3.1- Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

3.2- Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

4. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận bị cáo Lương Thị Mỹ N đã nộp 10.000.000 đồng (mười triệu) tiền phạt bổ sung theo biên lai thu số 0008762 ngày 02 -02-2021 của Chi cục thi hành án huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5/. Án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thành B và Lê Văn K mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đỗ Văn Bé và Lương Thị Mỹ N không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- Giám đốc kiểm tra (Vụ 1);
- VKSND tỉnh TN;
- Công an huyện Tân Châu;
- Phòng PV 06
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh.
- TAND huyện Tân Châu;
- Chi cục T.H.A DS huyện Tân Châu;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Bị cáo;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang